

BỘ Y TẾ
Số: 2827/QĐ-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Mẫu báo cáo công tác giám định y khoa
và Hướng dẫn thực hiện**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Viện Giám định y khoa tại công văn số 137/GĐYK ngày 02 tháng 5 năm 2012;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Mẫu báo cáo công tác giám định y khoa và Hướng dẫn thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Tổng Cục trưởng, Cục trưởng các Cục và Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Y tế, Viện trưởng Viện Giám định y khoa, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiến

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-GĐYK

...,ngày..... tháng năm

MẪU BÁO CÁO
CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH Y KHOA

Kỳ hạn báo cáo..... năm.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2827/QĐ-BYT ngày 14 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tên cơ quan:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHUNG

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Bảng 1: Tình hình công chức, viên chức, người lao động

[illegible]

Bảng 2: Số liệu khám, giám định chung

STT	Đối tượng	Chỉ tiêu	Tổng số lượt khám	Tổng số đối tượng được kết luận	Số đối tượng gửi lên tuyến trung ương			Tỷ lệ (%)
					Vượt khả năng chuyên môn	Khiếu nại	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Khám giám định								
1	Thương binh							
2	Bệnh binh							
3	Người bị ảnh hưởng CDHH/dioxin							
4	Bệnh nghề nghiệp							
5	Tai nạn lao động							
6	Giám định tổng hợp							
7	Hưu trí							
8	Hưởng trợ cấp tuất							
9	Khuyết tật							
10	Khác							
II. Khám sức khỏe								
III. Khám khác								
Tổng số								

Bảng 3: Kết quả khám giám định

STT	Đối tượng	Tổng số	Kết luận có tỷ lệ %						Kết luận không có tỷ lệ %	
			< 5	5 - 20	21 - 30	31 - 60	61 - 80	≥ 81	Có mắc bệnh	Không mắc bệnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Thương binh									
2	Bệnh binh									
3	Người bị ảnh hưởng CDHH/dioxin:									
	- Khám xác định bệnh, tật theo danh mục hiện hành									
	- Khám tổn thương cơ thể do bệnh, tật									
4	Bệnh nghề nghiệp									
5	Tai nạn lao động									
6	Giám định tổng hợp:									
	- Tai nạn lao động nhiều lần									
	- Nhiều bệnh nghề nghiệp									
	- Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp									
7	Hưu trí									
8	Khám hưởng trợ cấp tuất									
9	Khám khuyết tật									
10	Khám giám định khác									
Tổng số										

Bảng 4: Kết quả khám giám định bệnh nghề nghiệp

STT	Tên bệnh	Tổng số	Tỷ lệ tổn thương cơ thể (%)		
			0 - 4	5 - 30	≥ 31
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					
...					
...					
...					
...					
...					

Bảng 5: Kết quả khám giám định người khuyết tật

STT	Mức độ khuyết tật	Tổng số đối tượng	Tỷ lệ tổn thương cơ thể (%)					
			< 5	5 - 20	21 - 30	31 - 60	61 - 80	≥ 81
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đặc biệt nặng							
2	Nặng							
3	Nhẹ							
4	Không khuyết tật							
Tổng số								

Bảng 6: Kết quả khám sức khỏe

ST T	Đối tượng	Tổng số	Số lượng			Ghi chú
			Đủ sức khỏe	Không đủ sức khỏe	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khám tuyển, dự tuyển:					
	- Người lao động					
	- Học sinh, sinh viên					
2	Khám sức khỏe định kỳ					
3	Khám sức khỏe cho người lái xe					
4	Khám sức khỏe khác					
Tổng số						

Bảng 7: Công tác chỉ đạo tuyển

STT	Nội dung	Số lượt	Số đơn vị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chuyên môn, nghiệp vụ GDYK			
2	...			
...	...			
...	...			

Bảng 8: Số lượt công chức, viên chức được đào tạo

STT	Nội dung đào tạo	Số lượt người	Trong đó		Ghi chú
			Đã hoàn thành	Đang thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
GIÁM ĐỊNH Y KHOA:					
1	Cán bộ chuyên trách GDYK				
2	Giám định viên				
CHUYÊN NGÀNH Y:					
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	BSCKII				
4	BSCKI				
5	Đại học				
6	Cao đẳng, trung cấp				
KHÁC:					
1					
2					
...					
...					
Tổng số					

Bảng 9: Tổ chức đào tạo về giám định y khoa

STT	Nội dung	Số lượt người	Số lớp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chuyên môn, nghiệp vụ GDYK:			
...				
Tổng số				

Bảng 10: Công tác nghiên cứu khoa học

STT	Cấp độ đề tài/Dự án	Số lượng	Vị trí tham gia	Tình trạng hiện tại		Ghi chú
				Đã nghiệm thu	Chưa nghiệm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cấp Nhà nước					
2	Cấp Bộ					
3	Cấp Tỉnh					
4	Cấp Cơ sở					
5	Báo cáo nghiên cứu khoa học					
6	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành					
...	...					
...	...					
...	...					
Tổng số						

Bảng 11: Công tác truyền thông

STT	Hình thức tuyên truyền	Số lượng bài, chương trình		Tổng số
		Giám định Y khoa	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyên truyền trực tiếp			
	- Tổ chức nói chuyện			
	- Trao đổi			
	- Hội thảo			
	...			
	...			
2	Báo, đài trung ương			
3	Báo, đài địa phương			
4	Bản tin Thông tin GDYK			
5	Khác			
Tổng số				

Bảng 12: Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế hiện có

Có trụ sở riêng

☐

Chưa có trụ sở riêng

☐

Nhà cấp bốn

☐

Nhà kiên cố

☐

Phương tiện đi lại:

.....

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Tình trạng			Hình thức sở hữu		
			Đang sử dụng	Đang sửa chữa	Không sử dụng được	Của Trung tâm	Liên kết	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
...								

III. ĐÁNH GIÁ

.....

.....

.....

.....

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

.....

.....

.....

.....

.....

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG....

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM/ PHÒNG

Nơi nhận:

- Viện Giám định Y khoa;

-

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH Y KHOA
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2827/QĐ-BYT ngày 14 tháng 8 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Chương I.
MỘT SỐ QUI ĐỊNH CHUNG

1. Mục tiêu:

Tổng hợp kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Giám định Y khoa phục vụ cho công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển của ngành.

2. Phạm vi áp dụng:

Mẫu báo cáo công tác giám định y khoa được áp dụng để tổng hợp kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Giám định Y khoa hàng năm theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng (trừ kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hoặc phòng Giám định Y khoa các Bộ: Công an; Quốc phòng).

3. Đối tượng áp dụng:

- Viện Giám định Y khoa
- Phân Hội đồng giám định Y khoa trung ương I
- Phân Hội đồng giám định y khoa trung ương II
- Trung tâm hoặc phòng Giám định y khoa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Trung tâm Giám định Y khoa Bộ, Ngành

4. Thời gian, số liệu và nội dung thực hiện trong mẫu báo cáo

4.1. Báo cáo 3 tháng:

- Thời gian khoá sổ báo cáo: ngày cuối cùng của tháng 3.
- Thời hạn gửi báo cáo về Viện Giám định Y khoa chậm nhất là ngày 05 tháng 4
- Số liệu báo cáo: Tháng 1, tháng 2, tháng 3
- Nội dung thực hiện trong mẫu báo cáo:
 - + Phần thủ tục hành chính
 - + Tình hình hoạt động chung
 - + Số liệu khám, giám định tổng hợp theo: bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4, bảng 5, bảng 6.

- + Đánh giá
- + Phương hướng hoạt động
- + Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

4.2. Báo cáo 6 tháng:

- Thời gian khoá sổ báo cáo: ngày cuối cùng của tháng 6.
- Thời hạn gửi báo cáo về Viện Giám định Y khoa chậm nhất là ngày 05 tháng 7.
- Số liệu báo cáo: 3 tháng đầu năm và tháng 4, tháng 5, tháng 6.
- Nội dung thực hiện trong mẫu báo cáo:
 - + Phần thủ tục hành chính
 - + Tình hình hoạt động chung
 - + Số liệu khám, giám định tổng hợp theo: bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4, bảng 5, bảng 6.
 - + Đánh giá
 - + Phương hướng hoạt động
 - + Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

4.3. Báo cáo 9 tháng:

- Thời gian khoá sổ báo cáo: ngày cuối cùng của tháng 9
- Thời hạn gửi báo cáo về Viện Giám định Y khoa chậm nhất là ngày 05 tháng 10.
- Số liệu báo cáo: 6 tháng đầu năm và tháng 7, tháng 8, tháng 9.
- Nội dung thực hiện trong mẫu báo cáo:
 - + Phần thủ tục hành chính
 - + Tình hình hoạt động chung
 - + Số liệu khám, giám định tổng hợp theo: bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4, bảng 5, bảng 6.
 - + Đánh giá
 - + Phương hướng hoạt động
 - + Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

4.4. Báo cáo 12 tháng (báo cáo năm):

- Ngày khoá sổ báo cáo năm: ngày cuối cùng của tháng 12.
- Thời hạn gửi báo cáo về Viện Giám định Y khoa chậm nhất là ngày 05 tháng 1 của năm tiếp theo.
- Số liệu báo cáo: 9 tháng và tháng 10, tháng 11, tháng 12.
- Nội dung thực hiện trong mẫu báo cáo: thực hiện đầy đủ các nội dung

Ghi chú: Để đảm bảo số liệu báo cáo được cập nhật kịp thời các Hội đồng sau khi hoàn thành báo cáo có thể gửi báo cáo về Viện Giám định Y khoa qua địa chỉ Email: khth09@gmail.com trước khi gửi theo đường bưu điện.

5. Giải thích một số từ ngữ:

5.1. Đối tượng khám giám định là đối tượng được khám và kết luận bằng biên bản giám định của Hội đồng Giám định Y khoa (có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng theo qui định hiện hành)

5.2. Đối tượng khám sức khỏe là đối tượng được khám và kết luận về tình trạng sức khỏe theo hình thức cấp giấy chứng nhận của Trung tâm hoặc phòng hoặc viện Giám định Y khoa (chữ ký của người có thẩm quyền).

5.3. Đối tượng khám khác là đối tượng khám không thuộc 02 đối tượng đã nêu ở mục 5.1 và 5.2.

6. Một số từ viết tắt:

- | | |
|-------------------------------|--|
| - GĐYK: Giám định Y khoa | - CKI: Bác sĩ chuyên khoa I |
| - GS: Giáo sư | - CK sơ bộ: Bác sĩ Chuyên khoa sơ bộ |
| - PGS: Phó giáo sư | - GĐV: Giám định viên |
| - TS: Tiến sĩ | - BNN: Bệnh nghề nghiệp |
| - ThS: Thạc sĩ | - TC – HC – KT: Tổ chức – Hành chính – Kế toán |
| - CKII: Bác sĩ chuyên khoa II | |

Chương II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIỂU MẪU BÁO CÁO

1. Phần hành chính:

Điền đầy đủ thông tin: Tên đơn vị chủ quản, tên đơn vị báo cáo; địa danh, ngày ...tháng.. nămbáo cáo; kỳ hạn báo cáo; tên cơ quan; địa chỉ; điện thoại; fax; email.

2. Tình hình hoạt động chung:

Nêu một cách tổng quát các thay đổi về: Tổ chức (Bổ nhiệm, thay thế, thiếu cán bộ, số cán bộ về hưu, Giám định viên, công tác viên ...); cơ sở vật chất (trụ sở, trang thiết bị...); thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; công tác khác (công tác thi đua, khen thưởng...) của hội đồng và Trung tâm.

Ghi chú: Ghi rõ quyết định số:.....ngày....tháng.... năm..... đối với bổ sung, thay thế cán bộ lãnh đạo của Hội đồng, Trung tâm.

3. Kết quả hoạt động

Bảng 1: Tình hình công chức, viên chức, người lao động

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Nữ	Trình độ								Hợp đồng	
				GS PGS	TS CKII	ThS CKI	CK sơ bộ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Sơ cấp	Khác	Trong quỹ lương	Ngoài quỹ lương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I. Hội đồng GDYK													
1	Chủ tịch												
2	Phó chủ tịch												
3	Ủy viên												
4	Giám định viên												
Tổng số													
II. Trung tâm GDYK													
1	Giám đốc												
2	Phó Giám đốc												
3	Phòng TC-HC-KT												
4	P. Khám giám định												
5													
6													
7													
Tổng số													

Phân tích số lượng, trình độ về nhân lực Hội đồng GDYK và Trung tâm GDYK.

* Cột (1): Thể hiện số thứ tự của các đơn vị

* Cột (2): Tên các nội dung cần báo cáo, cần lưu ý :

- *Hội đồng GDYK:*

+ Mục Phó chủ tịch: Gồm Phó chủ tịch thường trực (Giám đốc trung tâm), chuyên môn, chính sách (Bảo hiểm Xã hội, Liên đoàn Lao động, Thương binh xã hội).

+ Mục Ủy Viên : Nếu có ủy viên thuộc biên chế của Trung tâm thì ghi chú rõ số lượng ở cuối của bảng.

+ Mục tổng số : Tổng số của các cột tương ứng theo chiều dọc của các đối tượng thuộc Hội đồng GDYK

- *Trung tâm GDYK:*

+ Mục Giám đốc: Là Phó chủ tịch thường trực của Hội đồng GDYK mặc dù đã được tổng hợp ở Hội đồng GDYK Mục “Phó chủ tịch” nhưng vẫn tổng hợp ở phần này để phục vụ cho việc đánh giá nhân lực riêng của trung tâm GDYK và được ghi chú ở cuối của bảng.

+ : Ghi rõ tên khoa/phòng (không thuộc mục 1,2,3 và 4) và tổng hợp số liệu theo các cột tương ứng.

+ Mục tổng số : Là tổng số của các cột tương ứng theo chiều dọc của các đối tượng thuộc Trung tâm GDYK.

* Cột (3): Tổng số của từng đối tượng tương ứng với cột (2)

* Cột (4): Số cán bộ nữ trong tổng số của từng đối tượng tương ứng với cột (2).

* Cột (5,6,7,8,9,10,11,12) : Phân tích chi tiết các nhóm đối tượng của cột 3 theo trình độ.

*Cột (13 và 14) : Là hợp đồng lao động của cán bộ công chức, viên chức, người lao động gồm:

+ Cột (13): Là người được hưởng lương trong quỹ lương của đơn vị.

+ Cột (14): Là người hưởng lương không nằm trong quỹ lương của đơn vị.

Bảng 2: Số liệu khám, giám định chung

STT	Đối tượng	Chỉ tiêu	Tổng số lượt khám	Tổng số đối tượng được kết luận	Số đối tượng gửi lên tuyến trung ương			Tỷ lệ (%)
					Vượt khả năng chuyên môn	Khuyết tật	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Khám giám định								
1	Thương binh							
2	Bệnh binh							
3	Người bị ảnh hưởng CDHH/dioxin							
4	Bệnh nghề nghiệp							
5	Tai nạn lao động							
6	Giám định tổng hợp							
7	Hưu trí							
8	Hưởng trợ cấp tuất							
9	Khuyết tật							
10	Khác							
II. Khám sức khỏe								
III. Khám khác								
Tổng số								

Thẻ hiện rõ chỉ tiêu đặt ra (nếu có) để khám cho từng loại đối tượng; tổng số lượt khám, trong đó có bao nhiêu đối tượng được Hội đồng kết luận ban hành văn bản làm cơ sở để thực hiện; Số đối tượng gửi lên tuyến Trung ương theo qui định của ngành.

* Cột (1): Thẻ hiện số thứ tự của các đối tượng

* Cột (2): Thẻ hiện chi tiết tên của các nhóm đối tượng được báo cáo.

- Mục I. Đối tượng khám giám định: gồm 10 đối tượng được khám và kết luận theo biên bản giám định của Hội đồng Giám định Y khoa các cấp (có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng theo qui định hiện hành)

- Mục II. Đối tượng khám sức khỏe: gồm các đối tượng được khám và kết luận về tình trạng sức khỏe theo hình thức chứng nhận của Trung tâm/phòng/viện Giám định Y khoa (chữ ký của người có thẩm quyền).

- Mục III. Đối tượng khám khác: gồm các đối tượng khám không thuộc trong 02 đối tượng đã nêu ở mục I và mục II. (chữ ký của người có thẩm quyền).

* Cột (3): Ghi rõ chỉ tiêu, kế hoạch theo định kỳ được Hội đồng/Trung

tâm/Phòng GDYK đặt ra khám cho từng loại đối tượng (nếu có).

* Cột (4): Số lượt đối tượng được Hội đồng/Trung tâm/Phòng GDYK iập hồ sơ khám, phiếu khám.

* Cột (5): Số lượng đối tượng được Hội đồng/Trung tâm kết luận và ban hành văn bản của tất cả các nhóm đối tượng (Không tính số đối tượng vượt quá khả năng chuyên môn và đối tượng khác phải gửi tuyển trên)

Một số lưu ý ở cột (4) và cột (5):

- Số lượng ở cột (4) “Tổng số lượt khám” và cột (5) “Tổng số đã ban hành văn bản” có thể nhỏ hơn hoặc bằng nhau hoặc lớn hơn cụ thể như sau:

+ Cột (5) nhỏ hơn cột (4): khi một số đối tượng chưa đủ điều kiện để kết luận do Thủ tục giấy tờ chưa hoàn chỉnh, thiếu chuyên khoa, cần làm thêm các xét nghiệm cận lâm sàng hiện đại hơn để có chuẩn đoán xác định, đối tượng đến khám nhưng không có mặt khi Hội đồng phúc quyết. Vì vậy Hội đồng/Trung tâm/Phòng chưa thể kết luận nên chưa ban hành văn bản.

+ Cột (5) bằng cột (4): khi tất cả các đối tượng đã có đủ các điều kiện theo qui định đã được Hội đồng hoặc Trung tâm kết luận để ra văn bản hoặc mặc dù một số đối tượng khám ở phiên hiện tại chưa đủ điều kiện để ban hành văn bản nhưng có một số đối tượng tương ứng của các phiên trước đó chưa được kết luận (do chưa đủ 1 số điều kiện như đã nêu ở trên) nay đã có đủ điều kiện nên được Hội đồng kết luận và ra văn bản.

+ Cột (5) lớn hơn cột (4): khi tất cả các đối tượng khám của phiên khám hiện tại đã có đủ các điều kiện theo qui định và đã được Hội đồng kết luận để ra văn bản cộng với số đối tượng của phiên khám trước đó chưa được kết luận (do chưa đủ 1 số điều kiện như đã nêu ở trên) nay đã có đủ điều kiện nên được Hội đồng kết luận ra văn bản.

* Cột (6, 7, 8): Tổng hợp các đối tượng gửi lên tuyển trung ương theo qui định của ngành cụ thể:

- Gửi Hội đồng GDYK TW: Phân Hội đồng GDYK TWI; phân Hội đồng GDYK TWII; hội đồng GDYK các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực Miền Bắc, hội đồng GDYK các Bộ Ngành.

- Gửi Phân Hội đồng GDYK TWI: Hội đồng GDYK các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực Miền Nam.

- Gửi Phân Hội đồng GDYK TWII: Hội đồng GDYK các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực Miền trung và Tây Nguyên.

- Cột (6) . Vượt quá khả năng chuyên môn: là các trường hợp của Hội đồng GDYK tuyển dưới chưa có đủ khả năng, điều kiện để kết luận cho đối tượng.

- Cột (7). Khiếu nại: là các đối tượng đã được khám kết luận tại Hội đồng GDYK tuyển dưới nhưng không đồng ý với kết quả nên có đơn khiếu nại và Hội đồng gửi đối tượng lên tuyển trên giám định theo phân cấp của ngành.

- Cột (8). Khác: là các đối tượng gửi lên tuyển trên không thuộc cột (6) và cột (7).

* Cột (9): Tính tỷ lệ % của từng loại đối tượng ở cột (5) so với tổng số tất cả các đối tượng của cột (5).

Bảng 3: Kết quả khám giám định

STT	Đối tượng	Tổng số	Kết luận có tỷ lệ %						Kết luận không có tỷ lệ %	
			< 5	5 - 20	21 - 30	31 - 60	61 - 80	≥ 81	Có mắc bệnh	Không mắc bệnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Thương binh									
2	Bệnh binh									
3	Người bị ảnh hưởng CDHH/dioxin:									
	- Khám xác định bệnh, tật theo danh mục hiện hành									
	- Khám tổn thương cơ thể do bệnh, tật									
4	Bệnh nghề nghiệp									
5	Tai nạn lao động									
6	Giám định tổng hợp:									
	- Tai nạn lao động nhiều lần									
	- Nhiều bệnh nghề nghiệp									
	-Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp									
7	Hưu trí									
8	Khám hưởng trợ cấp tuất									
9	Khám khuyết tật									
10	Khám giám định khác									
Tổng số										

Phân tích các đối tượng **bảng 2, cột (5), mục I. Đối tượng khám giám định**

- * Cột (1) : Thể hiện số thứ tự của các nhóm đối tượng.
- * Cột (2) : Thể hiện tên của từng nhóm đối tượng.
- Mục tổng số: là tổng số của các cột từ 3 đến 11 theo chiều dọc
- * Cột (3) : Tổng số của từng loại đối tượng tương ứng với cột (2)
- * Cột (4, 5, 6, 7, 8, 9,10, 11) : Phân tích chi tiết của cột (3) theo nhóm đối tượng tương ứng được kết luận có tỷ lệ phần trăm (%) tổn thương cơ thể và kết luận không

có tỷ lệ phần trăm (%) tổn thương cơ thể (có mắc bệnh và không mắc bệnh) . Cần lưu ý một số nội dung sau :

- Khám xác định bệnh, tật theo danh mục hiện hành: Điền tổng số vào cột (3) sau đó phân tích cụ thể các đối tượng như sau:

- + Đối tượng kết luận có mắc bệnh và có tỷ lệ tổn thương cơ thể (%): Phân tích chi tiết tỷ lệ (%) tương ứng theo các cột (4, 5, 6, 7, 8, 9).

- + Đối tượng kết luận có mắc bệnh không cần kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể (%) được tổng hợp vào cột (10)

- + Đối tượng kết luận không mắc bệnh tổng hợp vào cột (11)

- Khám khuyết tật: Điền tổng số vào cột (3) sau đó phân tích cụ thể các đối tượng như sau:

- + Đối tượng kết luận có khuyết tật và có tỷ lệ tổn thương cơ thể (%): Phân tích chi tiết tỷ lệ (%) tương ứng theo các cột (4, 5, 6, 7, 8, 9).

- + Đối tượng kết luận không khuyết tật tổng hợp vào cột (11)

Bảng 4: Kết quả khám giám định bệnh nghề nghiệp

STT	Tên bệnh	Tổng số	Tỷ lệ (%) tổn thương cơ thể		
			0 - 4	5 - 30	≥ 31
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					
...					

Tổng hợp cụ thể các bệnh nghề nghiệp khám riêng lẻ và khám tổng hợp đã được kết luận và ban hành văn bản.

* Cột (1) : Thể hiện tổng số mục của cột (2)

* Cột (2) : Ghi rõ tên các bệnh nghề nghiệp cụ thể như sau:

- Nếu đối tượng khám một Bệnh nghề nghiệp : Ghi rõ tên từng bệnh nghề nghiệp

- Nếu đối tượng khám giám định tổng hợp nhiều bệnh nghề nghiệp: Tổng hợp theo nhóm, ví dụ như sau :

+ Viêm gan vi rút + Viêm da

+ Điếc + Nhiễm độc Nicotin

+

- Nếu đối tượng khám giám định tổng hợp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp: Ghi rõ tên bệnh bệnh nghề nghiệp kết hợp với tai nạn lao động và tổng hợp theo nhóm. Ví dụ như sau :

+ TNLĐ + Bụi phổi Silic

+ TNLĐ + Điếc nghề nghiệp

+

* Cột (3): Tổng số của các đối tượng tương ứng đã ghi ở cột (2)

* Cột (4, 5, 6): Phân tích chi tiết của cột (3) tương ứng với các bệnh nghề nghiệp theo tỷ lệ phần trăm (%) tổn thương cơ thể .

Bảng 5: Kết quả khám giám định người khuyết tật

STT	Mức độ khuyết tật	Tổng số đối tượng	Tỷ lệ tổn thương cơ thể (%)					
			< 5	5 - 20	21 - 30	31 - 60	61 - 80	≥ 81
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đặc biệt nặng							
2	Nặng							
3	Nhẹ							
4	Không khuyết tật							
Tổng số		(#)						

Tổng hợp các đối tượng khám theo mức độ khuyết tật đảm bảo **tổng số (#)** của bảng này phải bằng tổng số đối tượng khám giám định khuyết tật tại **cột (5) của bảng 2 và cột (3) của bảng 3**.

- * Cột (1): Thể hiện tổng số mục của cột (2)
- * Cột (2): Các mức độ khuyết tật theo qui định hiện hành
- * Cột (3): Tổng số của đối tượng tương ứng với mức độ khuyết tật ở cột (2)
- * Cột (4, 5, 6, 7, 8, 9): Phân tích chi tiết tỷ lệ % tổn thương cơ thể của các đối tượng ở cột (3) tương ứng với các mức độ khuyết tật.

Bảng 6. Kết quả khám sức khỏe

ST T	Đối tượng	Tổng số	Số lượng			Ghi chú
			Đủ sức khỏe	Không đủ sức khỏe	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khám tuyển, dự tuyển:					
	- Người lao động					
	- Học sinh, sinh viên					
2	Khám sức khỏe định kỳ					
3	Khám sức khỏe cho người lái xe					
4	Khám sức khỏe khác					
Tổng số						

Phân tích số liệu tương ứng của **bảng 2, cột (5), mục II. Khám sức khỏe.**

* Cột (1): Thể hiện số thứ tự của các nhóm đối tượng

* Cột (2): Nêu cụ thể tên các nhóm đối tượng đối tượng khám.

- Riêng mục 4. Khám sức khỏe khác: Tổng hợp *tất cả các đối tượng chưa được định danh từ mục 1 đến mục 3*. Ví dụ như: khám lập di chúc, khám để kết hôn với người nước ngoài, khám thương binh trang cấp...

- Mục tổng số : Tổng số của các cột tương ứng theo chiều dọc.

* Cột (3): Tổng số của từng đối tượng tương ứng ở cột (2)

(Mục Tổng số tương ứng của cột này phải bằng tổng số đối tượng được kết luận tại **bảng 2, cột (5), mục II. Khám sức khỏe.**)

* Cột (4, 5, 6): Phân tích chi tiết của cột (3) theo số lượng của từng nhóm đối tượng theo nội dung của các cột tương ứng.

* Cột (7): Ghi các nội dung cần thiết (nếu có)

Bảng 7: Công tác chỉ đạo tuyến

STT	Nội dung	Số lượt	Số đơn vị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chuyên môn, nghiệp vụ GDYK			
2	...			
...	...			

Chỉ thực hiện trong báo cáo 12 tháng (báo cáo năm) và áp dụng đối với Viện Giám định Y khoa, phân Hội đồng GDYK TWI và II và các Hội đồng/Trung tâm/Phòng GDYK đã thành lập các tổ GDYK quận, huyện, nếu có thì điền vào các cột, mục tương ứng.

Bảng 8: Số lượt công chức, viên chức được đào tạo

STT	Nội dung đào tạo	Số lượt người	Trong đó		Ghi chú
			Đã hoàn thành	Đang thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
GIÁM ĐỊNH Y KHOA:					
1	Cán bộ chuyên trách GĐYK				
2	Giám định viên				
CHUYÊN NGÀNH Y:					
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	BSCKII				
4	BSCKI				
5	Đại học				
6	Cao đẳng, trung cấp				
KHÁC:					
1					
2					
...					
Tổng số					

Thể hiện số lượng và thực trạng đào tạo công chức, viên chức theo 3 nhóm chính : Giám định Y khoa ; Chuyên ngành Y; Khác

* Cột (1): Thể hiện số thứ tự của các đối tượng

* Cột (2): Cụ thể các nội dung đào tạo.

GIÁM ĐỊNH Y KHOA

- Cán bộ chuyên trách GĐYK : Đào tạo các loại hình về Y học trong khám, giám định y khoa. Hướng dẫn về các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan đến GĐYK.

- Giám định viên: Đào tạo cho các giám định viên của Hội đồng GĐYK.

CHUYÊN NGÀNH Y:

Đào tạo chuyên môn y khoa với các nội dung cụ thể đã ghi trong bảng.

KHÁC

Là các chuyên ngành khác không thuộc 2 ngành đã nêu trên (ghi cụ thể chuyên ngành được đào tạo).

* Cột (3): Ghi tổng số lượt người (vì một người có thể cử đi đào tạo nhiều lĩnh vực / năm) được đào tạo tương ứng ở cột (2).

* Cột (4, 5) : Phân tích chi tiết của cột (3) các đối tượng theo các nội dung tương ứng.

* Cột (6) : Nêu các nội dung cần báo cáo (nếu có)

Bảng 9: Tổ chức đào tạo về giám định y khoa

STT	Nội dung	Số lượt người	Số lớp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chuyên môn, nghiệp vụ GĐYK			
Tổng số				

Bảng tổng hợp các lớp đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ dành cho các đối tượng của ngành GĐYK.

Các nhóm đào tạo của bảng này chỉ áp dụng đối với Viện Giám định Y khoa, phân Hội đồng GĐYK TWI và II và các Hội đồng đã thành lập các tổ GĐYK quận, huyện. Nếu có thì điền vào các cột, mục tương ứng .

Bảng 10: Công tác nghiên cứu khoa học

STT	Cấp độ đề tài/dự án	Số lượng	Vị trí tham gia	Tình trạng hiện tại		Ghi chú
				Đã nghiệm thu	Chưa nghiệm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cấp Nhà nước					
2	Cấp Bộ					
3	Cấp Tỉnh					
4	Cấp Cơ sở					
5	Báo cáo nghiên cứu khoa học					
6	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành					
...	...					
...	...					
Tổng số						

Tổng hợp thực trạng tình hình nghiên cứu khoa học theo số lượng, cấp độ các đề tài/Dự án

* Cột (1): Thể hiện số thứ tự của các cấp độ đề tài/Dự án

*Cột (2): Thể hiện từng cấp độ của đề tài và báo cáo nghiên cứu khoa học, dự án

Mục tổng số: là tổng số của các cột (3, 4, 5) theo chiều dọc

* Cột (3): Thể hiện số lượng (tổng số) các đề tài đã và đang thực hiện.

* Cột (4): Vị trí tham gia của cán bộ hoặc Hội đồng hoặc Trung tâm hoặc phòng trong đề tài/dự án.

* Cột (5, 6): Phân tích chi tiết của cột (3) tương ứng với tình trạng hiện tại theo cấp độ của đề tài/dự án.

* Cột (7): Nêu các nội dung cần báo cáo (nếu có)

Bảng 11: Công tác truyền thông

STT	Hình thức tuyên truyền	Số lượng bài, chương trình		Tổng số
		Giám định Y khoa	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyên truyền trực tiếp			
	- Tổ chức nói chuyện			
	- Trao đổi			
	- Hội thảo			
	...			
	...			
2	Báo, đài trung ương			
3	Báo, đài địa phương			
4	Bản tin Thông tin GĐYK			
5	Khác			
Tổng số				

Tổng hợp toàn bộ hình thức tuyên truyền theo số lượng bài, chương trình của đơn vị

*Cột (1): Thể hiện số thứ tự của hình thức tuyên truyền.

*Cột (2): Nội dung cụ thể của hình thức tuyên truyền.

*Cột (3, 4): Phân tích số lượng bài, chương trình, tương ứng với hình thức tuyên truyền ở cột (2).

*Cột (5) : Tổng số của từng loại hình thức tuyên truyền.

Bảng 12: Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế hiện có

Có trụ sở riêng ☐ Chưa có trụ sở riêng ☐

Nhà cấp bốn ☐ Nhà kiên cố ☐

Phương tiện đi lại:

ST T	Tên trang thiết bị	Số lượng	Tình trạng			Hình thức sở hữu		
			Đang sử dụng	Đang sửa chữa	Không sử dụng được	Của Trung tâm	Liên kết	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...								

* Các nội dung ô trống: Có trụ sở riêng; chưa có trụ sở riêng; Nhà cấp bốn; Nhà kiên cố khi thực hiện sẽ đánh dấu (x) vào các ô trống cho phù hợp với thực tế của đơn vị.

* Phương tiện đi lại: Ghi rõ hiện tại phương tiện được sử dụng để đi công tác của đơn vị.

* Tổng hợp toàn bộ tên các trang thiết bị cụ thể hiện có với số lượng cụ thể, tình trạng và hình thức sở hữu hiện tại.

*Cột (1): Thể hiện số thứ tự của các trang thiết bị.

*Cột (2): Tên cụ thể của từng trang thiết bị

*Cột (3): Số lượng (tổng số) của từng trang thiết bị tương ứng đã cập nhật tại cột (2)

*Cột (4, 5, 6): Phân tích số lượng của cột (3) về tình trạng của trang thiết bị theo các nội dung tương ứng.

*Cột (7, 8, 9): Phân tích số lượng của cột (3) về hình thức sở hữu của từng trang thiết bị theo các nội dung tương ứng.

4. Đánh giá

1. Tóm tắt các công tác nổi bật đã được thực hiện, tồn đọng
2. Những thuận lợi.
3. Những khó khăn
4. Giải pháp thực hiện

5. Phương hướng

Nêu rõ phương kế hoạch và hướng hướng thực hiện công tác cụ thể theo định kỳ của báo cáo.

6. Đề xuất – kiến nghị

Ghi cụ thể các nội dung đề xuất – kiến nghị (nếu có).

7. Nơi nhận: Ghi rõ các đơn vị nhận báo cáo theo qui định

8. Hoàn thiện báo cáo:

Sau khi hoàn thành nội dung trong mẫu báo cáo

- Cán bộ thực hiện công tác báo cáo ký và ghi rõ họ, tên chức vụ .

- Trình Lãnh đạo:

+ Trưởng hoặc phó Khoa/ Phòng ký ghi rõ họ, tên

+ Lãnh đạo khoa /phòng trình Lãnh đạo đơn vị ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân hội đồng Giám định Y khoa trung ương I, Phân Hội đồng giám định Y khoa trung ương II. Trung tâm Giám định Y khoa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trung tâm Giám định Y khoa Bộ giao thông vận tải triển khai thực hiện công tác báo cáo định kỳ hàng năm theo đúng qui định, trong báo cáo ghi đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của từng phần, cột, mục (nếu không có số liệu báo cáo thì vẫn gửi nguyên bảng và gạch chéo).

2. Viện Giám định Y khoa có trách nhiệm tổ chức tập huấn, hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ hàng năm của Ngành Giám định Y khoa theo đúng qui định hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ về Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Viện Giám định Y khoa theo địa chỉ Điện Thoại: 04.6278.2041 hoặc theo địa chỉ Email: khth09@gmail.com hoặc theo đường công văn gửi về Viện giám định y khoa để được giải quyết kịp thời./.